

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: /2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/6/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Thành.

Bà Nguyễn Thị Khánh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Anh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST- HNGĐ ngày 23/11/2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST - HNGĐ ngày 10/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh VSH, sinh năm 1991, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị ĐTT, sinh năm 1993, vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn L PT, huyện LT, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 23/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, anh VSH trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với ĐTT năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2016 tại UBND xã TCu, huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn chúng tôi tìm hiểu nhau trên tinh thần tự nguyện, hai bên gia đình có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi ở chung với bố mẹ tôi. Thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chúng tôi không hợp nhau, hiện nay vợ chồng tôi đã ly thân. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị ĐTT.

- *Về con chung*: Tôi và chị ĐTT có 01 (một) người con chung tên là VDT, sinh ngày 11/5/2017, sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được quyền nuôi con chung, tôi chưa yêu cầu chị ĐTT cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn chị ĐTT*: Đã được Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị ĐTT vẫn không có mặt tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi được lời khai và vụ án không tiến hành hòa giải được. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị ĐTT vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp, mâu thuẫn vợ chồng tại gia đình bên chồng nơi anh VSH, chị ĐTT sinh sống thể hiện: Vợ chồng anh VSH, chị ĐTT sống không hạnh phúc, chị ĐTT thường đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm con, sau đó lại đi không để lại thông tin gì.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, điều 71 của BLTTDS. Đối với bị đơn: Chị ĐTT mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, như vậy chị ĐTT đã từ bỏ quyền của mình quy định tại các Điều 70, 72 của BLTTDS. Tòa án tổng đạt và niêm yết giấy triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại Điều 177; Điều 179 BLTTDS. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên vụ án được xét xử theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: anh VSH và chị ĐTT mâu thuẫn đã lâu, không còn quan ĐTT đến nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình (HN&GD) năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho anh VSH được ly hôn với chị ĐTT.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD giao con chung cháu VDT, sinh ngày 11/5/2017 cho anh VSH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh VSH chưa yêu cầu chị ĐTT cấp dưỡng nuôi con nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: anh VSH khai không có, không yêu cầu

giải quyết; trong quá trình giải quyết vụ án chị ĐTT cố tình không đến nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Thôn Lũ, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn là anh VSH có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị ĐTT đã được triệu tập hợp lệ để ghi lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có mặt theo giấy triệu tập. Tòa án đã xác minh tại gia đình và nơi cư trú của chị ĐTT, tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị ĐTT vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị ĐTT theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 của BLTTDS là phù hợp.

[3]. Về nội dung vụ án:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Anh VSH và chị ĐTT kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC, huyện TS, tỉnh Phú Thọ. Quan hệ hôn nhân giữa anh VSH và chị ĐTT là tự nguyện, hợp pháp. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu nảy sinh, do không hợp nhau về cách sống và đã ly thân nhau, hiện chị ĐTT đi làm xa, thỉnh thoảng về thăm con, anh VSH và chị ĐTT không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Xét thấy cuộc sống chung giữa anh VSH và chị ĐTT không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh VSH có nguyện vọng xin được ly hôn để ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Anh VSH và chị ĐTT có 01 con chung là cháu VDT, sinh ngày 11/5/2017. Anh VSH vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nay ly hôn, Anh VSH có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu cầu chị ĐTT phải cấp dưỡng; Cháu VDT có nguyện vọng ở với anh VSH do vậy nên giao cho anh VSH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu VDT cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

*** Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4]. Về án phí: Anh VSH phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 177; Điều 179; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho anh VSH được ly hôn với chị ĐTT.

2. Về con chung:

Giao con chung cháu VDT, sinh ngày 11/5/2017 cho anh VSH trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu VDT đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị ĐTT được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh VSH chưa yêu cầu chị ĐTT cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Anh VSH phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001869 ngày 23/11/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy. Anh VSH đã nộp xong.

4. Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày. Đối với nguyên đơn, bị đơn vắng mặt thì tính từ ngày được tổng đạt hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã ;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Đã ký

Thái Hùng Dũng

